

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 103/2018/HS-ST

Ngày: 29- 5- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Tính

Nghề nghiệp: CB Hội đồng nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị Loan

Nghề nghiệp: Nguyên giáo viên trường THCS Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:143/2018/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lương Xuân C, Sinh ngày 14/12/2000 (Chưa thành niên).

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Xuân Th, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1982; Chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/8/2016 bị Công an Quận L, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo vắng mặt vì bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Lương Xuân V - Sinh năm 1948 (Ông nội của bị cáo).

Trú tại:Thôn K, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Th - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.(Có mặt).

Người bị hại : Anh Lê Đình Ph - sinh năm 1999.

Trú tại:Thôn Đ, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h ngày 07/10/2017, Lương Xuân C đến nhà anh Lê Đình Ph, sinh năm 1999 ở thôn L, xã Đ, thành phố H chơi. Tại nhà anh Ph, C nhìn thấy chiếc xe máy Exciter BKS 36B5-522.53 màu xanh bạc đang còn mới để trong nhà anh. Do đang cần tiền trả nợ nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên. C nói dối anh Ph muốn đi mua xe máy nên nhờ anh Ph chở đi mua xe. Anh Ph đưa C xuống xã Q, thành phố H xem xe. C lấy lý do không đủ tiền mua xe rồi bảo anh Ph đưa về nhà C lấy điện thoại đem bán lấy tiền mua xe. Anh Ph chở C đến ngã ba gần nhà, C nói anh Ph dừng lại, đứng đợi C ở ngoài. Vì tin tưởng nên anh Ph xuống xe chờ còn C đi xe máy vào ngõ nhà C sau đó đi thẳng đường cánh đồng ra Hà Nội. Chờ không thấy C ra, anh Ph vào nhà hỏi thì được biết C không có trong nhà và không liên lạc được. Đến 14h cùng ngày, anh Ph đến Công an xã Đ, thành phố H tố cáo hành vi của C.

Đến 17h30 ngày 18/10/2017, C đã bán xe cho anh Trần Ngọc T, sinh năm 1990 ở quận H, Hà Nội lấy 8.000.000đ để trả nợ và ăn tiêu. Sau đó anh T đã trao đổi chiếc xe này để lấy xe khác với anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1996 ở Hưng Th, Ninh Gi, Hải Phòng.

Gia đình anh Phú đã tìm gặp được C ở Hà Nội, C đã chỉ chỗ cho anh Ph đến chuộc xe về.

Theo báo cáo của anh Ph, chiếc xe Exciter BKS 36B5-522.53 có giá trị 40.000.000đ. Chiếc xe này anh Ph mượn của anh Lê Ngọc Th cùng thôn. Hiện chiếc xe đã được trả lại cho anh Th.

Ngày 20/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tối tụng hình sự Công an thành phố H, định giá chiếc xe có giá trị 36.000.000đ, anh Ph yêu cầu C bồi thường số tiền chuộc xe 8.000.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, gia đình C đã bồi thường số tiền 8.000.000 cho anh Ph, anh Ph không có yêu cầu gì về phần bồi thường.

Tại cáo trạng số 61/CT-VKS, ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố Lương Xuân C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 139; Điểm b,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74, Điều 33 Bộ luật

hình sự năm 1999; Tuyên bố bị cáo Lương Xuân C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lương Xuân C mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lương Xuân C có ý kiến: Hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bố mẹ ly hôn, bị cáo phải ở với ông bà nội già yếu nên không có người giáo dục bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Xuân C có ý kiến: Do bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo Lương Xuân C đã trốn khỏi địa phương; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định truy nã nhưng không có kết quả. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo Lương Xuân C.

[2] Quá trình điều tra, bị cáo Lương Xuân C khai nhận: Do cần tiền để trả nợ nên ngày 07/10/2017, Lương Xuân C đã có lời nói gian dối, tạo niềm tin để chiếm đoạt của anh Lê Đình Ph chiếc xe Exciter BKS 36B5-522.53 có giá trị 36.000.000đ để đem bán lấy 8.000.000đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lương Xuân C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi, không chịu học tập, rèn luyện và làm ăn chân chính nên đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thoócj trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại để khắc phục hậu quả. Bị hại có đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được

cải tạo tại địa phương. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 9 tháng 23 ngày, là đối tượng chưa thành niên phạm tội nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi có cùng tính chất với hành vi phạm tội lần này mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến lần phạm tội này chưa quá 01 năm; Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã trốn khỏi địa phương nên không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 01/2013 /NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với hành vi và nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người chưa thành niên, chưa có việc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền.

[5] Về phần dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 tiền chuộc xe cho bị hại. Bị hại đã nhận đủ và không có thắc mắc, yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 139; điểm b,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Lương Xuân C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Lương Xuân C 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về phần dân sự: Công nhận đã giải quyết xong.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Lương Xuân C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại trụ sở chính quyền địa phương. Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; Người đại diện;
- Người bào chữa, Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh